CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA
DN: C=VN, S=THANH HÓA, L=Thị Xã Bỉm Sơn, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2800222245
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-11-09 09:05:46
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

CTCP TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA
TIEN SON THANH HOA GROUP JSC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Số/No: 0711/2026/CV-AAT

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 11 năm 2026
Thanh Hoa, November 07, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission
- Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA/ TIEN SON THANH HOA GROUP JSC

- Mã chứng khoán/*Stock code*: AAT

- Địa chỉ/*Address:* Số 09 Quốc lộ 1A, phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa/ No. 09 National Highway 1A, Quang Trung Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.

- Điện thoại liên hệ/*Tel*: (84-237) 3770.304 Fax: (84-237) 3772.064

- E-mail: congtytiensonth@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

- Ngày 07/11/2026, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa đã nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 52020/26 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 29/10/2026/ *On November 7, 2026, Tien Son Thanh Hoa Group Joint Stock Company received Confirmation of Changes to Enterprise Registration Information No. 52020/26, issued by the Business Registration Division under the Thanh Hoa Provincial Department of Finance on October 29, 2026.*

- Quyết định số 0711-1/2026/QĐ/CTHĐQT ngày 07/11/2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc ban hành Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty ngày 28/06/2024 lần thứ 3 với các nội dung sửa đổi Khoản 1, Điều 4, Điều lệ công ty/ *Decision No. 0711-1/2026/QĐ/CTHĐQT dated November 7, 2026, issued by the Chairman of the Board of Directors regarding the issuance of the Third Addendum on Amendments and Supplements to the Company's Charter dated June 28, 2024, amending Clause 1, Article 4 of the Company's Charter.*

- Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty số 05/2026/PL-ĐL ngày 07/11/2026/ *Addendum No. 05/2026/PL-ĐL dated November 7, 2026, on Amendments and Supplements to the Company's Charter.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07/11/2026 tại đường dẫn: http://tiensonaus.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/

This information was published on the Company's website on November 07, 2026, at the following link http://tiensonaus.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu kèm theo/Attached documents:
- Như mục 2/ As item 2.

Đại diện tổ chức/ Organization representative
Người được UQ CBTT/
Authorized person to disclose information

Lê Thị Trang

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THANH HÓA
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Số:

52020/26

TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 84
Ngày 07 tháng 11 năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ trụ sở: *Số 01A15 Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam*

Điện thoại: 0237 385 1450 Số Fax:

Thư điện tử: dkkdth36@gmail.com Website: https://stc.thanhhoa.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA

Mã số doanh nghiệp: 2800222245

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Vận chuyển, bốc xếp hàng hóa bằng đường bộ trong nước do đơn vị sản xuất gia công theo hợp đồng với khách hàng. (Không thực hiện vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt, đường biển và các dịch vụ cung cấp tại sân bay)	5224
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Dịch vụ nhà đất, cho thuê nhà xưởng, mua bán, trao đổi đất, đầu tư xây dựng nhà để bán, cho thuê; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất để đổi lấy công trình hoặc cho thuê đất đã có hạ tầng (Không đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810

STT	Tên ngành	Mã ngành
3	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Loại trừ những động vật, thực vật quý hiếm và mặt hàng Nhà nước cấm	4620
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giầy, túi xách (không kinh doanh các mặt hàng chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài)	4659
5	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Không bao gồm hoạt động dò mìn, phá dỡ sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bằng bom mìn và các hoạt động tương tự	4312
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; Hoạt động của các căng tin, hàng ăn tự phục vụ	5629
9	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
10	Đúc sắt, thép	2431
11	Đúc kim loại màu	2432
12	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
13	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa bằng đường bộ	5229
15	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không kinh doanh các mặt hàng chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài)	4652
16	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang, cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh	4329
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21	Phá dỡ	4311
22	Xây dựng nhà để ở	4101
23	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
24	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
26	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
27	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

STT	Tên ngành	Mã ngành
28	Xây dựng nhà không để ở	4102
29	Xây dựng công trình đường sắt	4211
30	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
31	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
32	Xây dựng công trình đường bộ	4212
33	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị an toàn như: sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, sản xuất khẩu trang bảo hộ lao động, sản xuất găng tay, mũ nhựa cứng, khẩu trang y tế, may bộ đồ bảo hộ y tế.	3290
34	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới	5621
35	Đào tạo trung cấp	8532
36	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh vật tư nông nghiệp, phân bón các loại, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, hóa chất phục vụ trong nông nghiệp (trừ việc hiện hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) Buôn bán giấy, bìa và thùng carton	4679
37	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4662
38	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410(Chính)
39	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng (không kinh doanh các mặt mặt hàng chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư)	4673
40	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không bao gồm gạo, đường thuốc lá, thuốc lào)	4711
41	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán)	7020
42	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	4751

STT	Tên ngành	Mã ngành
43	Hoạt động xuất bản khác	5819
44	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4672
45	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác	6290
46	Bán lẻ thực phẩm (không bao gồm gạo, đường)	4722
47	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
48	Lập trình máy tính khác	6219
49	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220
50	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
51	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
52	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
53	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
54	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
55	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
56	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
57	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
58	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
59	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất khẩu trang vải; sản xuất quần áo chống tia UV	1399
60	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	1702
61	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
62	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	3313
63	Sản xuất giày, dép	1520
64	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
65	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú Chi tiết: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	1420
66	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4661
67	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4671

STT	Tên ngành	Mã ngành
68	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng may mặc, da giầy, túi xách do công ty sản xuất, kinh doanh (không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4690
69	Bán buôn đồ uống	4633
70	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
71	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm Chi tiết: Sản xuất vali, túi xách, ba lô và các loại tương tự	1512
72	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
73	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
74	Bán buôn thực phẩm (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4632
75	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
76	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
77	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến hàng nông, lâm sản;	1629
78		Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:
-CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA. Địa chỉ:Số 09 Quốc lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

-.....;
- Lưu: Hách Thị Hà.....

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THANH HÓA
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Thị Hương

CTCP TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA **TIEN SON THANH HOA GROUP JSC.** ----------***---------- Số/No.: 0711-1/2026/QĐ/CTHĐQT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence – Freedom - Happiness** ----------***---------- *Thanh Hóa, ngày 07 tháng 11 năm 2026* *Thanh Hoa, November 07, 2026*

QUYẾT ĐỊNH
DECISION

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS OF
TIEN SON THANH HOA GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020/ Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa ("Công ty" hoặc "AAT")/ Pursuant to the Charter of Tien Son Thanh Hoa Group Joint Stock Company ("Company" or "AAT");

- Căn cứ Nghị quyết số 0710-2/2026/NQ/ĐHĐCĐ-AAT ngày 07/10/2026 của Đại hội đồng cổ đông về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty/Pursuant to Resolution No. 0710-2/2026/NQ/ĐHĐCĐ-AAT dated October 7, 2026 of the General Meeting of Shareholders regarding the collection of written opinions of shareholders to approve the addition of the Company's business lines.

- Căn cứ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 52020/26 ngày 29/10/2026 của Phòng đăng ký kinh doanh, Sở tài chính tỉnh Thanh Hóa/Pursuant to the Confirmation of Changes to Enterprise Registration Information No. 52020/26 dated October 29, 2026 of the Business Registration Division, Department of Finance of Thanh Hoa Province;

QUYẾT ĐỊNH/ DECISION

<u>Điều 1</u>: Thông qua ban hành Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty ngày 28/06/2024 lần thứ 3 – ngày 07/11/2026 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty được quy định tại khoản 1 Điều 4 Điều lệ công ty, phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của công ty đã được Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa chấp thuận theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 52020/26 ngày 29/10/2026.

<u>Article 1:</u> *To approve the issuance of the Third Addendum to the Company's Charter dated June 28, 2024, on November 7, 2026, regarding the addition of business lines as stipulated in Clause 1, Article 4 of the Company's Charter, in accordance with the Company's business lines as approved by the Thanh Hoa Provincial Department of Finance under the Confirmation of Changes to Enterprise Registration Information No. 52020/26 dated October 29, 2026.*

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các bộ phận, phòng ban và các cá nhân có liên quan trong Công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Article 2*: This Decision shall take effect from the date of signing. All relevant departments, divisions, and individuals within the Company shall be responsible for implementing this Decision.*

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: Thư ký Công ty.

Recipients :
- As stated in Article 2.
- Filed with: Company Secretary.

TUQ. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
PP. GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N: 2800225245 - C.T.C.P - CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA - P. QUANG TRUNG - T. THANH HÓA

Trịnh Xuân Lâm

CTCP TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA **TIEN SON THANH HOA GROUP JSC.** ----------***---------- Số/No.: 05/2026/PL-ĐL	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence – Freedom - Happiness** ----------***---------- *Thanh Hóa, ngày 07 tháng 11 năm 2026* *Thanh Hoa, November 07, 2026*

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA
APPENDIX ON AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER
TIEN SON THANH HOA GROUP JOINT STOCK COMPANY
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ ba đối với Điều lệ Công ty ngày 28/06/2024 - là Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ 14)

(Third amendment and supplement to the Company Charter dated 28/06/2024 — being the Charter that was amended and supplemented for the 14th time)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020/Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa ("Công ty") ngày 28/06/2024/Pursuant to the Charter of Tien Son Thanh Hoa Group Joint Stock Company (the "Company") dated 28/06/2024;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 0710-2/2026/NQ/ĐHĐCĐ-AAT ngày 07/10/2026 của Đại hội đồng cổ đông về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty/Pursuant to Resolution No. 0710-2/2026/NQ/ĐHĐCĐ-AAT dated October 7, 2026 of the General Meeting of Shareholders regarding the collection of written opinions of shareholders to approve the addition of the Company's business lines.*
- *Căn cứ Quyết định số 0711-1/2026/QĐ/CTHĐQT ngày 07/11/2026 của Chủ tịch HĐQT về việc ban hành Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty lần thứ 3/Pursuant to Decision No. 0711-1/2026/QĐ/CTHĐQT dated November 7, 2026, issued by the Chairman of the Board of Directors on the issuance of the Third Addendum on Amendments and Supplements to the Company's Charter;*
- *Căn cứ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 52020/26 ngày 29/10/2026 của Phòng đăng ký kinh doanh, Sở tài chính tỉnh Thanh Hóa/Pursuant to the Confirmation of Changes to Enterprise Registration Information No. 52020/26 dated October 29, 2026 of the Business Registration Division, Department of Finance of Thanh Hoa Province*
- *Căn cứ các văn bản liên quan/Pursuant to relevant documents;*

Điều 1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 của Điều lệ công ty như sau:

Article 1. To amend Clause 1, Article 4 of the Company's Charter as follows:

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Article 4. Objectives of the Company's Operations

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là/ *1. The business lines of the Company are*:

STT *No.*	**Mã ngành** ***Business Line Code***	**Ngành nghề kinh doanh** ***Business Lines***
1	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng (không kinh doanh các mặt hàng chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư) *Wholesale of construction materials and other installation equipment* *Wholesale of construction materials and installation equipment used in construction (excluding the trading of goods not yet opened to market access for investors)*
2	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh vật tư nông nghiệp, phân bón các loại, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, hóa chất phục vụ trong nông nghiệp (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) Buôn bán giấy, bìa và thùng carton *Other specialized wholesale not elsewhere classified* *Details: Trading in agricultural supplies, assorted fertilizers, pesticides, herbicides and chemicals serving agriculture (excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights in respect of goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export rights, import rights and distribution rights). Trading in paper, paperboard and carton boxes.*
3	5520	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác *Other short-term accommodation services*
4	5224	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Vận chuyển, bốc xếp hàng hóa bằng đường bộ trong nước do đơn vị sản xuất gia công theo hợp đồng với khách hàng. (Không thực hiện vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt, đường biển và các dịch vụ cung cấp tại sân bay) *Cargo handling* *Details: Domestic road transportation and cargo handling performed by the manufacturing/processing unit under contracts with customers. (Rail and sea cargo transportation and services provided at airports are excluded.)*
5	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ nhà đất, cho thuê nhà xưởng, mua bán, trao đổi đất, đầu tư xây dựng nhà để bán, cho thuê; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất để đổi lấy công trình hoặc cho thuê đất đã có hạ tầng (Không đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) *Real estate business, land use rights owned by the owner, user or lessee* *Details: Real estate services; leasing of factories; purchase, sale and*

STT *No.*	Mã ngành *Business Line Code*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*
		exchange of land; investment in construction of houses for sale or lease; land improvement and investment in infrastructure works on land in exchange for works or for leasing land with existing infrastructure (excluding investment in construction of cemetery and graveyard infrastructure for transfer of land use rights attached to such infrastructure).
6	4662	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá *Wholesale of parts and accessories for automobiles and other motor vehicles* *Details: Auction activities are excluded.*
7	4620	Bán buôn nông sản, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống Chi tiết: Loại trừ những động vật, thực vật quý hiếm và mặt hàng Nhà nước cấm *Wholesale of agricultural and forestry raw materials (except wood, bamboo and rattan) and live animals* *Details: Rare animals and plants and goods prohibited by the State are excluded.*
8	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giầy, túi xách (không kinh doanh các mặt hàng chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài) *Wholesale of other machinery, equipment and spare parts* *Details: Trading in machinery, equipment and spare parts for textile, garment, leather, footwear and bag production (excluding the trading of goods not yet opened to market access for foreign investors).*
9	4312	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Không bao gồm hoạt động dò mìn, phá dỡ sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bằng bom mìn và các hoạt động tương tự *Site preparation* *Details: Mine detection and clearance, demolition using industrial explosives, bombs or mines, and similar activities are not included.*
10	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động *Restaurants and mobile food service activities*
11	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ *Freight transport by road*
12	**1410 (Chính) *(Main)***	**Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)** *Manufacture of wearing apparel (except fur apparel)*
13	4711	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không bao gồm gạo, đường, thuốc lá, thuốc lào)

STT *No.*	Mã ngành *Business Line Code*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*
		Retail sale in non-specialized stores with food, beverages or tobacco predominating *Details: Retail sale of food and foodstuffs in general stores (excluding rice, sugar, tobacco and pipe tobacco).*
14	4722	Bán lẻ thực phẩm (không bao gồm gạo, đường) *Retail sale of food (excluding rice and sugar)*
15	5629	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; Hoạt động của các căng tin, hàng ăn tự phục vụ *Other food service activities* *Details: Provision of catering services under contracts; operation of canteens and self-service eating establishments.*
16	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt *Support activities for crop production*
17	2431	Đúc sắt, thép *Casting of iron and steel*
18	2432	Đúc kim loại màu *Casting of non-ferrous metals*
19	2410	Sản xuất sắt, thép, gang *Manufacture of iron, steel and cast iron*
20	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại *Manufacture of structural metal products*
21	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa bằng đường bộ *Other support service activities related to transportation* *Details: Consignment and freight forwarding by road.*
22	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán) *Business management consultancy and other management consultancy activities (Legal, financial, accounting, auditing, tax and securities consultancy are excluded.)*
23	4751	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác *Retail sale of fabrics, wool, yarn, sewing thread and other textiles*
24	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không kinh doanh các mặt hàng chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài) *Wholesale of electronic and telecommunications equipment and parts*

STT *No.*	Mã ngành ***Business Line Code***	Ngành nghề kinh doanh ***Business Lines***
		Details: Wholesale of electronic and telecommunications equipment and parts (excluding the trading of goods not yet opened to market access for foreign investors).
25	5819	Hoạt động xuất bản khác *Other publishing activities*
26	6290	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác *Other information technology and computer service activities*
27	6219	Lập trình máy tính khác *Other computer programming activities*
28	6220	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính *Computer consultancy and computer facilities management*
29	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng *Building completion and finishing*
30	4321	Lắp đặt hệ thống điện *Electrical installation*
31	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang, cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh *Other construction installation* *Details: Installation of elevators, stairways, automatic doors, lighting systems, vacuum systems and sound systems.*
32	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại *Organization of trade introductions and commercial promotion*
33	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác *Other specialized construction activities*
34	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị *Repair and maintenance of machinery and equipment*
35	3311	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn *Repair and maintenance of fabricated metal products*
36	3313	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học *Repair and maintenance of electronic and optical equipment*
37	4311	Phá dỡ *Demolition*
38	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện *Repair and maintenance of electrical equipment*
39	4101	Xây dựng nhà để ở *Construction of residential buildings*

STT *No.*	Mã ngành *Business Line Code*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*
40	1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm *Manufacture of carpets, rugs, blankets and mattresses*
41	4229	Xây dựng công trình công ích khác *Construction of other utility projects*
42	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp *Installation of industrial machinery and equipment*
43	1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) *Manufacture of made-up textile articles (except apparel)*
44	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Construction of other civil engineering projects*
45	4102	Xây dựng nhà không để ở *Construction of non-residential buildings*
46	4211	Xây dựng công trình đường sắt *Construction of railways*
47	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí *Plumbing, heat and air-conditioning installation*
48	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển *Leasing of other machinery, equipment and tangible goods without operator*
49	4212	Xây dựng công trình đường bộ *Construction of roads*
50	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị an toàn như: sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, sản xuất khẩu trang bảo hộ lao động, sản xuất găng tay, mũ nhựa cứng, khẩu trang y tế, may bộ đồ bảo hộ y tế. *Other manufacturing not elsewhere classified* *Details: Manufacture of safety equipment such as fire-resistant and protective clothing, labor protective masks, gloves, hard plastic helmets, medical masks and medical protective suits.*
51	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới *Provision of occasional catering services under contracts with customers* *Details: Provision of catering services for parties, meetings and weddings.*
52	8532	Đào tạo trung cấp *Intermediate-level training*
53	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

STT *No.*	Mã ngành *Business Line Code*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*
		Wholesale of textiles, wearing apparel and footwear
54	1399	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất khẩu trang vải; sản xuất quần áo chống tia UV *Manufacture of other textiles not elsewhere classified* *Details: Manufacture of cloth masks; manufacture of UV-protective clothing.*
55	1520	Sản xuất giày, dép *Manufacture of footwear*
56	1420	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú Chi tiết: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan *Manufacture of articles of fur* *Details: Manufacture of leather and related products.*
57	4690	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng may mặc, da giầy, túi xách do công ty sản xuất, kinh doanh (Không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) *Non-specialized wholesale trade* *Details: Export and import of garments, footwear and bags manufactured and traded by the company (excluding the exercise of export rights and import rights in respect of goods on the List of goods for which foreign investors are not permitted to exercise export rights, import rights and distribution rights).*
58	1512	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm Chi tiết: Sản xuất vali, túi xách, ba lô và các loại tương tự *Manufacture of luggage, handbags and the like, saddlery and harness* *Details: Manufacture of suitcases, bags, backpacks and similar products.*
59	1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản *Processing and preservation of aquatic products and products made therefrom*
60	1030	Chế biến và bảo quản rau quả *Processing and preserving of fruit and vegetables*
61	4632	Bán buôn thực phẩm (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) *Wholesale of food* *(Excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights in respect of goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise*

STT *No.*	Mã ngành ***Business Line Code***	Ngành nghề kinh doanh ***Business Lines***
		export rights, import rights and distribution rights.)
62	2021	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp *Manufacture of pesticides and other agrochemical products*
63	2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ *Manufacture of fertilizers and nitrogen compounds*
64	4672	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) *Wholesale of metals and metal ores* *(Excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights in respect of goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export rights, import rights and distribution rights.)*
65	4671	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) *Wholesale of solid, liquid and gaseous fuels and related products* *(Excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights in respect of goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export rights, import rights and distribution rights.)*
66	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến hàng nông, lâm sản; *Manufacture of other products of wood; manufacture of products of bamboo, rattan, straw, stubble and plaiting materials* *Details: Processing of agricultural and forestry products.*
67	1702	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa *Manufacture of corrugated paper and paperboard and containers of paper and paperboard*
68	4661	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá *Wholesale of automobiles and other motor vehicles* *Details: Auction activities are excluded.*
69	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá) *Agency, brokerage and auction of goods*

STT *No.*	Mã ngành *Business Line Code*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*
		Details: Agency and brokerage of goods (auction activities are excluded).
70	4633	Bán buôn đồ uống *Wholesale of beverages*
71	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống *Beverage serving activities*
72	5011	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương *Sea and coastal passenger water transport*
73	5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương *Sea and coastal freight water transport*
74	5021	Vận tải hành khách đường thủy nội địa *Inland passenger water transport*
75	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa *Inland freight water transport*
76	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa *Warehousing and storage*
77	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy *Service activities incidental to water transportation*
78		Ngành, nghề chưa khớp với mã Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam *Business line not matched with a code in the Vietnam Standard Industrial Classification System*

Điều 2: Điều khoản chung

Article 2: General Provisions

Nội dung sửa đổi tại Phụ lục có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các điều khoản khác của Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa ban hành ngày 28/06/2024 không được đề cập và sửa đổi tại Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực.

The amendments set out in this Appendix take effect from the date of signing. Other provisions of the Charter of Tien Son Thanh Hoa Group Joint Stock Company issued on 28/06/2024 that are not mentioned and amended in this Appendix shall remain in full force and effect.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA

Trịnh Xuân Lâm